

Bản án số: 03/2023/KDTM-ST

Ngày 28-02-2023

V/v tranh chấp Hợp đồng vận chuyển hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Thu Hiền;

Ông Trần Ngọc Hải;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp Hợp đồng vận chuyển hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần VN; địa chỉ trụ sở chính: Số A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông D - chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VN và ông E - chức danh: Giám đốc Công ty Cổ phần VN; là những người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần VN; Ông D có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông F - Là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư G - Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn TA; địa chỉ: Phòng H, số I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Bà L - Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại TA; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông M - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH N, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29 tháng 12 năm 2022 của bà L - Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại TA cho ông M; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 12 năm 2022, bản tự khai và các lời khai tại tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn TA (gọi tắt là Công ty TA) ký Hợp đồng nguyên tắc về việc vận chuyển số: SONGLEES-TALOGS/HDDV/011120 ngày 01 tháng 11 năm 2020 với Công ty TNHH O để cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa cho Công ty TNHH O.

Để thực hiện hợp đồng vận chuyển hàng hóa cho Công ty TNHH O thì Công ty TA đã ký Hợp đồng vận tải nguyên tắc số 2021/HDNT/LN-TA ngày 01 tháng 7 năm 2021 với Công ty Cổ phần VN (gọi tắt là Công ty VN) để vận chuyển hàng hóa cho Công ty TA theo các đơn hàng Công ty TA đã ký với Công ty TNHH O.

Theo nội dung trong Hợp đồng Bên thuê vận chuyển (Bên A) là Công ty TA thuê Bên vận chuyển (Bên B) là Công ty VN vận chuyển hàng hóa bằng container đường bộ theo chỉ định của Công ty TA. Các loại hàng hóa theo chỉ định đóng/xếp trong container 20DC (container 20 feet thường); container 40' DC (container 40 feet thường). Khối lượng vận chuyển dự kiến: dưới 15 tấn/chuyến. Phương thức giao nhận: Hàng hóa được giao nhận theo phương thức nguyên container, nguyên chì (seal). Hàng hóa được giao trên phương tiện vận tải phù hợp với điều kiện xếp/dỡ tại kho gửi/trả hàng. Địa điểm xếp/dỡ hàng tại kho của Công ty TA theo chỉ định \Leftrightarrow Cảng S (các bãi nâng/hạ cont theo yêu cầu của DO/Booking) và các địa điểm khác theo yêu cầu của Công ty TA nếu có. Phương tiện vận chuyển phù hợp với quy định đường bộ của nhà nước Việt Nam. Thời gian vận chuyển theo yêu cầu cụ thể từng lô hàng của Công ty TA. Giá cước theo báo giá tại mỗi thời điểm. Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thời hạn thanh toán: Thanh toán 100% giá trị cước vận chuyển trong vòng 45 ngày kể từ khi hai bên đối chiếu chốt sản lượng và Công ty VN gửi đầy đủ chứng từ thanh toán cho Công ty TA. Trường hợp Công ty TA chậm thanh toán cước phí vận chuyển cho Công ty VN quá 10 ngày so với thời hạn quy định trên thì Công ty TA phải trả lãi suất do chậm thanh toán trên tổng số cước phí vận chuyển đã thực hiện nhưng chưa được thanh toán. Lãi suất chậm thanh toán sẽ được căn cứ vào lãi suất nợ quá hạn hiện thời do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

Ngoài ra Hợp đồng còn quy định về trách nhiệm và quyền hạn của các bên; Tòa án giải quyết tranh chấp; Điều khoản chung và Hiệu lực của Hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vận chuyển hàng hóa nêu trên, Công ty VN đã bố trí đầy đủ phương tiện để bảo đảm hoàn thành việc vận chuyển khối lượng hàng hóa theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng, đồng thời cũng đứng ra đóng hộ Công ty TA các khoản chi phí nâng, hạ, lưu cở tại Cảng, toàn bộ hóa đơn chứng từ xuất gửi trực tiếp cho Công ty TA.

Phía Công ty TNHH O xác nhận có thuê Công ty TA vận chuyển 81 Container hàng theo danh sách Công ty VN cung cấp từ Công ty TNHH O địa chỉ ô số 5, lô CN6, Cụm công nghiệp P, xã Q, huyện R, tỉnh Lạng Sơn về Cảng S. Sau đó Công ty TA thuê Công ty VN là đơn vị trực tiếp vận chuyển hàng hóa cho Công ty TNHH O về Cảng S với khối lượng là 81 container nêu trên thời điểm từ ngày 30/6/2022 đến ngày 15/11/2022. Công ty TNHH O đã thanh toán đầy đủ chi phí vận chuyển đường bộ và các chi phí nâng, hạ container cho Công ty TA (có đầy đủ các hóa đơn, chứng từ kèm theo) và được Công ty TA xác nhận.

Như vậy Công ty TNHH O đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của mình theo Hợp đồng đối với Công ty TA. Tuy nhiên phía Công ty TA lại không thực hiện đúng trách nhiệm thanh toán cho Công ty VN theo Hợp đồng, thường xuyên kéo dài thời gian thanh toán, thanh toán nhỏ giọt, không dứt điểm. Mặc dù Công ty VN đã có các công văn yêu cầu Công ty TA phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cước phí vận chuyển cũng như các khoản chi phí nâng, hạ, lưu cở tại Cảng mà Công ty VN đã đóng hộ Công ty TA. Tuy nhiên cho đến nay Công ty TA vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả tiền cước vận chuyển các tháng 7, 8, 9, 10, 11 năm 2022. Hai bên đã có Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ vào ngày 20 tháng 12 năm 2022 trong đó Công ty TA xác nhận số tiền còn nợ Công ty VN là 873.569.024 đồng. Do đó Công ty VN đã khởi kiện Công ty TA đến Tòa án và yêu cầu:

Buộc Công ty TNHH TA phải trả cho Công ty Cổ phần VN số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 11/11/2022 là 873.569.024 đồng (trong đó: nợ gốc tháng 7, 8, 9 năm 2022 là 697.953.760 đồng; nợ gốc tháng 10, 11 năm 2022 là 165.710.400 đồng; nợ lãi là 9.904.864 đồng) theo Hợp đồng vận tải nguyên tắc số 2021/HDNT/LN-TA ngày 01/7/2021.

Tại bản trình bày ý kiến, biên bản làm việc tại Tòa án, Biên bản hòa giải; Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Công ty TA đã ký Hợp đồng vận tải nguyên tắc số 2021/HDNT/LN-TA ngày 01 tháng 7 năm 2021 với Công ty Cổ phần VN (gọi tắt là Công ty VN) để vận chuyển hàng hóa cho Công ty TA theo các đơn hàng Công ty TA đã ký với Công ty TNHH O. Theo nội dung trong Hợp đồng vận chuyển thì Công ty TA thuê và Công ty VN đồng ý nhận tổ chức vận chuyển hàng hóa bằng container đường bộ theo chỉ định của Công ty TA; giá cước theo báo giá tại mỗi thời điểm; thanh toán 100% giá trị cước vận chuyển trong vòng 45 ngày kể từ khi hai bên đối

chiếu chốt sản lượng và Công ty VN gửi đầy đủ chứng từ thanh toán cho Công ty TA. Thực hiện Hợp đồng trên Công ty VN đã vận chuyển hàng hóa cho Công ty TA theo từng đợt khi Công ty TA thông báo. Hiện số tiền cước vận chuyển và các khoản mà Công ty VN chi hộ các tháng 7,8,9,10,11 năm 2022 là 863.664.160đồng. Hai bên đã có Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ số công nợ như trên. Tuy nhiên do hoạt động của Công ty TA trong năm 2022 gặp nhiều khó khăn, thua lỗ do giá xăng dầu tăng cao, cước vận chuyển cũng tăng theo, một số đối tác chưa thanh toán công nợ cho Công ty TA nên Công ty TA chưa có tiền để thanh toán cho Công ty VN đúng hạn. Công ty TA đề nghị Công ty VN tạo điều kiện cho Công ty TA được trả cho Công ty VN trong thời hạn 06 tháng. Công ty TA cam kết sẽ trả nợ cho Công ty VN trong thời gian sớm nhất có thể toàn bộ số nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty TNHH TA phải trả cho Công ty Cổ phần VN số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2023) là 903.998.805đồng (trong đó: nợ gốc tháng 7, 8, 9 năm 2022 là 697.953.760đồng; nợ gốc tháng 10, 11 năm 2022 là 165.710.400đồng; nợ lãi chậm thanh toán là 40.334.645đồng) theo Hợp đồng vận tải nguyên tắc số 2021/HDNT/LN-TA ngày 01/7/2021. Công ty TA vẫn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày tại văn bản ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn, bị đơn đều đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa và lời khai của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 538 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 74, 78, 85, 86, 87, 306 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Công ty TA phải thanh toán khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/02/2023) cho Công ty VN số tiền là 903.998.805đồng (trong đó: nợ gốc tháng 7, 8, 9 năm 2022 là 697.953.760đồng; nợ gốc tháng 10, 11 năm 2022 là 165.710.400đồng; nợ lãi chậm thanh toán là 40.334.645đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Bị đơn phải chịu 39.119.964đồng (Ba mươi chín triệu một trăm mười chín nghìn chín trăm sáu mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.103.535đồng (Mười chín triệu một trăm linh ba nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0009673 ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vận chuyển hàng hóa được ký giữa các Công ty có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại: Phòng H, số I, phường J, quận K, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Xét Hợp đồng vận tải nguyên tắc số 2021/HDNT/LN-TA ngày 01 tháng 7 năm 2021 được ký giữa Công ty TA với Công ty VN:

[3.1] Về thẩm quyền ký kết Hợp đồng: Công ty TA và Công ty VN là hai pháp nhân. Chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng đều là người đại diện theo pháp luật của hai Công ty do đó thẩm quyền ký kết Hợp đồng là đúng pháp luật.

[3.2] Về hình thức và nội dung của Hợp đồng vận tải nguyên tắc số 2021/HDNT/LN-TA ngày 01 tháng 7 năm 2021: Hợp đồng được lập thành văn

bản đúng quy định của pháp luật. Theo nội dung trong Hợp đồng thể hiện hai bên đã thỏa thuận với nhau về việc Công ty TA thuê và Công ty VN đồng ý nhận tổ chức vận chuyển hàng hóa bằng container đường bộ theo chỉ định của Công ty TA. Đồng thời hai bên có thỏa thuận với nhau về số lượng hàng hóa vận chuyển, phương thức, địa điểm giao nhận, phương thức vận chuyển, điều kiện vận chuyển, thời gian vận chuyển, giá cước, phương thức và thời hạn thanh toán, trách nhiệm quyền hạn của các bên, thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng, hiệu lực hợp đồng và điều khoản chung. Các điều khoản trong Hợp đồng đều không trái pháp luật, đạo đức xã hội, đúng ngành nghề kinh doanh, thỏa mãn các điều kiện quy định tại Luật Thương mại.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Xét yêu cầu đòi nợ gốc: Quá trình thực hiện Hợp đồng vận tải nguyên tắc số 2021/HDNT/LN-TA ngày 01 tháng 7 năm 2021, Công ty VN đã thực hiện bố trí phương tiện đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp với pháp luật về đường bộ của Việt Nam, phù hợp với điều kiện kho bãi của Công ty TA. Lựa chọn container đảm bảo đạt yêu cầu để vận chuyển hàng hóa, vận chuyển đủ số lượng hàng hóa, đúng tiến độ thời gian, địa điểm theo yêu cầu của Công ty TA, như vậy Công ty VN đã thực hiện đúng quy định tại Điều 78, 82 Luật Thương mại.

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo pháp luật của Công ty TA đã ký vào Biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 20/12/2022 xác nhận tính đến ngày 20/12/2022 Công ty TA còn nợ Công ty VN tổng số tiền cả gốc và lãi là 873.569.024đồng.

Sau nhiều lần Công ty VN đôn đốc đòi nợ nhưng Công ty TA cố tình không trả nợ. Như vậy đủ cơ sở kết luận Công ty TA đã vi phạm điều khoản thời hạn thanh toán trong Hợp đồng. Nên việc Công ty VN kiện đòi số tiền nợ gốc tháng 7, 8, 9 năm 2022 là 697.953.760đồng; nợ gốc tháng 10, 11 năm 2022 là 165.710.400đồng là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Xét yêu cầu nợ lãi chậm thanh toán:

Căn cứ mục 2.3 Điều 2 của Hợp đồng vận tải nguyên tắc số 2021/HDNT/LN-TA ngày 01 tháng 7 năm 2021 hai bên thỏa thuận về thời hạn thanh toán: *“Thanh toán 100% giá trị cước vận chuyển trong vòng 45 ngày kể từ khi hai bên đối chiếu chốt sản lượng và Công ty VN gửi đầy đủ chứng từ thanh toán cho Công ty TA. Trường hợp Công ty TA chậm thanh toán cước phí vận chuyển cho Công ty VN quá 10 ngày so với thời hạn quy định trên thì Công ty TA phải trả lãi suất do chậm thanh toán trên tổng số cước phí vận chuyển đã thực hiện nhưng chưa được thanh toán. Lãi suất chậm thanh toán sẽ được căn cứ vào lãi suất nợ quá hạn hiện thời do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định”*.

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại thì bên chậm thanh toán phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị

trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Căn cứ vào kết quả thu thập chứng cứ tại ba Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hải Phòng thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba Ngân hàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là: $(12.5\% + 11.7\% + 12.0\%) \times 150\% : 3 = 18,1\%/năm$).

Theo thỏa thuận trong Hợp đồng giữa hai bên thì bên chậm thanh toán phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quá hạn hiện thời do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Theo Công văn số 294a/HAP-TTGS ngày 28 tháng 02 năm 2023 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hải Phòng cung cấp mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm tháng 02/2023 là 9,0%/năm (theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam). Lãi suất quá hạn quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2017) quy định: *“Trường hợp khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn”*. Như vậy theo Hợp đồng thì Công ty TA phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán cho Công ty VN theo lãi suất quá hạn hiện thời do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng là $9\%/năm \times 150\% = 13,5\%/năm$.

Tuy nhiên tại Biên bản phạt chậm thanh toán công nợ quá hạn ngày 11/11/2022 ; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/12/2022 Công ty VN chỉ yêu cầu tính mức lãi suất nợ quá hạn là 13% và đã được bên phía Công ty TA chấp nhận.

Mức lãi suất trên thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba Ngân hàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm và thấp hơn mức lãi suất quá hạn hiện thời do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên tham gia ký kết Hợp đồng, không trái quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 306 Luật Thương mại nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do các bên đã chốt được công nợ tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/12/2022 xác nhận Công ty TA còn phải trả Công ty VN số tiền nợ lãi là 9.904.864đồng. Đồng thời tại biên bản phạt chậm thanh toán công nợ quá hạn ngày 11 tháng 11 năm 2022 hai bên đã chốt số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 11/11/2022 là 9.904.864đồng. Do đó số tiền nợ lãi chậm thanh toán sẽ được tính tiếp tục từ ngày 12/11/2022, cụ thể số tiền lãi chậm thanh toán nguyên đơn yêu

cầu tính đến ngày 28/02/2023 là: 40.334.645đồng. (Có bảng tính nợ lãi chi tiết trong hồ sơ) là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét tư cách tham gia tố tụng của Công ty TNHH O:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; đơn trình bày ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty TA ký Hợp đồng nguyên tắc về việc vận chuyển số: SONGLEES-TALOGS/HDDV/011120 ngày 01 tháng 11 năm 2020 với Công ty TNHH O để cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa cho Công ty TNHH O. Để thực hiện hợp đồng vận chuyển hàng hóa cho Công ty TNHH O thì Công ty TA đã ký Hợp đồng vận tải nguyên tắc số 2021/HDNT/LN-TA ngày 01 tháng 7 năm 2021 với Công ty VN để vận chuyển hàng hóa cho Công ty TA theo các đơn hàng Công ty TA đã ký với Công ty TNHH O. Phía Công ty TNHH O xác nhận có thuê Công ty TA vận chuyển 81 Container hàng theo danh sách Công ty VN cung cấp từ trụ sở của Công ty TNHH O tại địa chỉ ô số 5, lô CN6, Cụm công nghiệp P, xã Q, huyện R, tỉnh Lạng Sơn về Cảng S. Sau đó Công ty TA thuê Công ty VN là đơn vị trực tiếp vận chuyển hàng hóa cho Công ty TNHH O về Cảng S với khối lượng là 81 container nêu trên thời điểm từ ngày 30/6/2022 đến ngày 15/11/2022. Công ty TNHH O đã thanh toán đầy đủ chi phí vận chuyển đường bộ và các chi phí nâng, hạ container cho Công ty TA (có đầy đủ các hóa đơn, chứng từ kèm theo) và đã được Công ty TA ký xác nhận nhận đủ tiền của Công ty TNHH O. Do đó có đủ cơ sở xác định Công ty TNHH O không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án này nên Tòa án không đưa Công ty TNHH O vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 538 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 74, 78, 85, 86, 87, 306 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần VN:

+ Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn TA có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần VN tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 28/02/2023 là: 903.998.805 đồng (trong đó: nợ gốc tháng 7, 8, 9 năm 2022 là 697.953.760 đồng; nợ gốc tháng 10, 11 năm 2022 là 165.710.400 đồng; nợ lãi chậm thanh toán là 40.334.645 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn TA phải nộp 39.119.964 đồng (Ba mươi chín triệu một trăm mười chín nghìn chín trăm sáu mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty Cổ phần VN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.103.535 đồng (Mười chín triệu một trăm linh ba nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0009673 ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương

